



# BẢN TIN THƯƠNG VỤ

**BẢN TIN SỐ 21 –NĂM 2023**

**THƯƠNG VỤ VIỆT NAM  
TẠI NIU DI-LÂN**

## TRONG SÔ NÀY

Tin tức

Chính sách và quy định kinh doanh

### BAN BIÊN TẬP

1. Trần Diệu Oanh

Tham tán Thương mại

2. Đỗ Hữu Tùng

Bí thư thứ nhất



## TIN TỨC

### TÌNH HÌNH KINH TẾ NIU DI-LÂN

#### Tình hình kinh tế - xã hội

Theo công bố mới nhất ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, GDP của Niu Di-lân giảm 0,1% trong quý I/2023, tiếp theo sự sụt giảm 0,7% trong quý IV/2022. Trong quý I/2023, với hơn một nửa số ngành kinh tế giảm, trong đó, dịch vụ kinh doanh lớn nhất, giảm 3,5%. Tuy nhiên, điều này được bù đắp một phần bởi mức tăng 2,7% trong lĩnh vực thông tin và viễn thông.

Nguyên nhân chính khiến ngành dịch vụ kinh doanh giảm do tác động bởi các dịch vụ tư vấn quản lý, quảng cáo, thiết kế khoa học và kỹ thuật.

Trong 5 tháng đầu năm 2023, các tác động ban đầu của Bão Hale và Gabrielle và các cuộc đình công của giáo viên trên khắp cả nước khiến đình trệ các dịch vụ vận chuyển, nông nghiệp và dịch vụ giáo dục.

GDP thực tế đã giảm 0,2%. Sự suy giảm này do bởi sự sụt giảm hàng tồn kho do các doanh nghiệp nắm giữ và xuất khẩu dịch vụ giảm.

Mức tăng 2,4% trong chi tiêu tiêu dùng hộ gia đình và mức tăng 2,0% trong đầu tư vào tài sản cố định đã bù đắp một phần cho sự sụt giảm.

Tăng trưởng chi tiêu hộ gia đình được dẫn dắt bởi sự gia tăng chi tiêu của người dân New Zealand cho các chuyến du lịch quốc tế. Ngược lại, các hộ gia đình chi tiêu ít hơn cho hàng hóa, đặc biệt là thực phẩm, hàng tiêu dùng.

So với tháng 5/2022, chỉ số giá tiêu dùng đa số tăng ở

mức cao như: giá thực phẩm tạp hóa tăng 12,7%, giá rau quả tăng 18,4%, bữa ăn nhà hàng và giá thực phẩm ăn liền tăng 8,7%, giá thịt, gia cầm và cá tăng 11,7%, giá đồ uống không cồn tăng 11,6%. New Zealand cũng chứng kiến sự sụt giảm trong thương mại: giá xuất khẩu giảm 6,9% và giá nhập khẩu giảm 5,4%.

Theo báo cáo ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Kinh tế New Zealand sẽ tiếp tục chậm lại trong thời gian tới khi việc thắt chặt tiền tệ diễn ra. Lạm phát đang giảm nhưng sẽ vẫn ở mức cao trong thời gian tới. Cán cân tài khoản vãng lai đã xấu đi đáng kể, phản ánh nhu cầu dư thừa và các chính sách nhập cư.

Các chính sách kinh tế vĩ mô nên duy trì xu hướng hạn chế. Chính sách tài khóa nên ưu tiên phục hồi sau lũ lụt và lốc xoáy, đồng thời hạn chế các khoản chi tùy ý khác. Quan điểm điều hành chính sách tiền tệ là phù hợp và cần hướng tới đưa lạm phát về mục tiêu.

Thị trường nhà ở dường như đang ổn định, mặc dù những lo ngại về khả năng chi trả nhà ở vẫn còn. Tăng nguồn cung và mở rộng nhà ở xã hội vẫn là những ưu tiên quan trọng của Chính phủ.

Lĩnh vực tài chính vẫn ổn định với mức vốn và thanh khoản dồi dào. Các chính sách cơ cấu nên nhằm mục đích thúc đẩy tăng trưởng bền vững và toàn diện, đặc biệt thông qua cải cách thuế, đầu tư sáng tạo, cơ sở hạ tầng để chống chịu khí hậu và tăng năng suất cao hơn như cho giáo dục và thị trường lao động.

Tổng sản phẩm quốc nội của New Zealand đã giảm 0,1% trong quý đầu tiên, theo dữ liệu của Chính phủ được công bố ngày 15/6/2023, khi Ngân hàng trung ương công bố chu kỳ tăng lãi suất mạnh mẽ nhất trên thế giới.

Dữ liệu mới nhất từ Chính phủ đánh dấu một đợt suy thoái kỹ thuật đối với nền kinh tế, sau khi báo cáo mức giảm 0,7% được điều chỉnh trong quý cuối cùng của năm 2022. Một cuộc suy thoái kỹ thuật được định nghĩa là hai quý liên tiếp bị thu hẹp.

So với một năm trước, nền kinh tế tăng trưởng 2,9% trong quý I/2023. Dự kiến tăng trưởng 2,6% trong năm 2023.

### **Tình hình thương mại giữa Niu Di-lân với thế giới**

Theo Cục Thống kê Niu Di-lân, trong 4 tháng đầu năm 2023, thương mại hàng hóa hai chiều của nước này đạt 63,8 tỷ NZD, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó, xuất khẩu đạt 29,3 tỷ, tăng 0,6 tỷ NZD (2,1%), nhập khẩu đạt 34,5 tỷ NZD, tăng 3,2 tỷ NZD (10,2%).

Trong 5 tháng đầu năm 2023 các mặt hàng thực phẩm xuất khẩu chủ lực của Niu Di-lân có sự tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2022, mặt hàng bơ sữa đạt 8,63 tỷ NZD tăng 8,1%, sản phẩm thịt đạt 3,65 tỷ NZD giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2022, mặt hàng trái cây đạt 1,56 tỷ NZD giảm 1,9%, gỗ đạt 2,04 tỷ NZD giảm 5,6%.

Do tình hình kinh tế Niu Di-lân ở mức lạm phát cao, người dân thắt chặt chi tiêu dẫn đến nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm mạnh. Các mặt hàng giảm về nhập khẩu như: nhựa và sản phẩm nhựa giảm 14,8%; hàng dệt may giảm 7,1%; đồ nội thất giảm liên tục trong các tháng đầu năm, riêng trong tháng 5/2023 giảm 13,4% so với tháng 5/2022, trong 5 tháng năm 2022 giảm 11,4%. Ngược lại, nhập khẩu tăng mạnh nhất ở nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ tăng 190%; vật liệu xây dựng tăng 83,7%. Nguyên nhân chủ yếu do các đơn hàng từ trước đến thời hạn nhập khẩu nhằm phục vụ cho các công trình xây dựng tồn đọng trong các năm trước đây.

*Về xuất khẩu:* xuất khẩu của Niu Di-lân với các đối tác chính là Trung Quốc đạt 5,6 tỷ NZD, tiếp theo đó là Australia đạt 3,8 tỷ NZD và Hoa Kỳ đạt 3,6 tỷ NZD.

*Về nhập khẩu:* nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2022. Các thị trường xuất khẩu hàng đầu vào Niu Di-lân bao gồm: các nước Asean đạt 4,86 tỷ NZD; EU đạt 4,2 tỷ NZD, Trung Quốc đạt 4,1 tỷ NZD; Australia là 3,8 tỷ; Hoa Kỳ, 2,79 tỷ NZD.

### **IV. Thương mại Việt Nam - Niu Di-lân**

Theo số liệu của Cục Thống kê Niu Di-lân, kim ngạch hai chiều với Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2023 đạt 1,07 triệu NZD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 623,7 triệu NZD, tăng 3,3%, kim ngạch nhập khẩu

từ Niu Di-lân đạt 452 triệu NZD, giảm 2,3%. Việt Nam là đối tác nhập khẩu đứng thứ 16 của Niu Di-lân, và đứng thứ 13 về xuất khẩu của Niu Di-lân.

**a) Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân**

Mặc dù ảnh hưởng bởi thiên tai, nhu cầu nhập khẩu của Niu Di-lân có vẫn có xu hướng tăng để thích nghi và tái xây dựng, bù đắp thiệt hại do bão lũ. Tổng nhập khẩu của Niu Di-lân tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2022 đạt 34,5 tỷ NZD, Việt Nam chiếm 1,9% thị phần nhập khẩu của Niu Di-lân đạt 623 triệu NZD tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2022 (603 triệu NZD).

**Bảng 1: Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân**

*ĐVT: 1.000NZD*

STT	Mã và Mặt hàng	Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân					Tổng nhập khẩu của Niu Di-lân		
		5T/2022	5T/2023	Tỉ trọng	Tăng trưởng	Thị phần	Tăng/giảm	5T/2022	5T/2023
	<b>Tổng</b>	<b>603,806</b>	<b>623,655</b>	<b>100.0%</b>	<b>3.3%</b>	<b>1.9%</b>	<b>10.3%</b>	<b>31,285,121</b>	<b>34,510,499</b>
1	03 thủy sản	9,005	7,657	1.2%	-15.0%	11.9%	20.3%	75,545	90,867
2	08 trái cây, hạt	13,976	14,706	0.9%	5.2%	7.6%	9.7%	184,487	202,410
3	09 Trà, cà phê	4,861	5,513	1.0%	13.4%	5.1%	-5.1%	95,405	90,563
4	10-11 Tinh bột, Ngũ cốc	6,241	6,393	1.0%	2.4%	2.5%	15.5%	251,425	290,372
5	16 Thịt, cá chế biến sẵn	4,601	4,926	0.8%	7.1%	5.8%	13.9%	78,894	89,897
6	44 gỗ và sản phẩm gỗ	2,543	1,495	0.2%	-41.2%	0.8%	-42.4%	333,608	192,177
7	19-20-21 các loại chế phẩm ăn được	5,006	7,253	1.2%	44.9%	0.6%	12.8%	828,853	935,120
8	25-27-68 Vật liệu dùng cho xây dựng (đá, xi măng...)	2,792	2,359	0.4%	-15.5%	0.1%	83.7%	3,123,468	5,736,575
9	34 Các chất tẩy rửa bề mặt, các chế phẩm nha khoa	13,629	19,337	3.1%	41.9%	7.4%	6.3%	184,162	195,779
10	39 Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	12,342	12,131	1.9%	-1.7%	1.0%	-14.7%	1,197,801	1,021,400
11	40 Cao su và các sản phẩm từ cao su	5,156	6,302	1.0%	22.2%	1.6%	0.6%	330,256	332,308
12	42 Sản phẩm bằng da	6,661	7,020	1.1%	5.4%	5.3%	9.5%	125,227	137,173
13	48 giấy, các sản phẩm từ giấy và bìa các tông	6,120	7,667	1.2%	25.3%	1.4%	2.8%	451,130	463,816
14	60-61-62-63-64-65 Dệt may, các sản phẩm từ quần áo, giày dép và phụ kiện	112,124	115,448	18.5%	3.0%	8.1%	-2.9%	1,377,718	1,337,091
15	69 Sản phẩm gốm sứ	4,006	874	0.1%	-78.2%	3.3%	-15.0%	120,177	102,146
16	72-73-82 Sắt, thép và các sản phẩm từ kim loại	7,973	11,498	1.8%	44.2%	0.6%	-26.4%	1,250,666	920,239
17	94 Đồ nội thất và thiết bị chiếu sáng	34,073	29,791	4.8%	-12.6%	5.6%	-11.4%	613,526	543,660
18	95 Đồ chơi, dụng cụ thể thao và phụ kiện	8,565	6,165	1.0%	-28.0%	2.7%	-5.2%	322,314	305,514
19	84-85 Máy móc, thiết bị điện và phụ kiện liên quan	307,241	314,482	50.4%	2.4%	4.4%	8.2%	7,014,386	7,589,675
20	90 Dụng cụ và thiết bị y tế	8,399	12,143	1.9%	44.6%	0.9%	12.0%	979,125	1,096,685
21	Các sản phẩm khác	28,492	30,495	4.9%	7.0%	0.2%	4.0%	12,346,948	12,837,032

*Nguồn: Cục Thống kê New Zealand*

Bảng 2 cho thấy, chỉ có 06 mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Niu Di-lân 5 tháng đầu năm 2023 có kim ngạch giảm bao gồm vật liệu xây dựng (15,5%), thủy sản (15%) và gỗ (41%), sản phẩm gốm sứ (78%), dụng cụ thể thao và phụ kiện (28%), tất cả các mặt hàng còn lại hầu hết có sự tăng trưởng trên 2 chữ số. Tuy nhiên, các mặt hàng tăng trưởng ấn tượng nhất là: các loại chế phẩm ăn được (44%), cao su (22%), dụng cụ và thiết bị y tế (44,6%); sắt, thép tăng 44%).

Về thị phần trên từng loại hàng hóa nhập khẩu vào Niu Di-lân của Việt Nam, các mặt hàng lớn nhất gồm: trái cây, hạt (7,6%), thủy sản (11,9%); hàng dệt may (8,1%); thịt, cá chế biến sẵn (5,8%), máy móc, thiết bị điện tử (4,4%), trà, cà phê (5,1%).

**b) Việt Nam nhập khẩu từ Niu Di-lân**

**Bảng 2: Việt Nam nhập khẩu từ Niu Di-lân**

DVT: 1.000NZD

Việt Nam nhập khẩu từ New Zealand						Tổng xuất khẩu của Niu Di-lân với thế giới		
STT	Mã và Mặt hàng	5T/2022	5T/2023	Tỉ trọng	Tăng/Giảm	5T/2022	5T/2023	Tăng/Giảm
	<b>Tổng nhập khẩu</b>	<b>463,214</b>	<b>452,440</b>	<b>100.0%</b>	<b>-2.3%</b>	<b>28,717,030</b>	<b>29,308,908</b>	<b>2.1%</b>
1	03 thủy sản	11,481	11,134	2.5%	-3.0%	686,381	813,039	18.5%
2	04 bơ, sữa	240,492	272,910	60.3%	13.5%	8,471,153	9,133,468	7.8%
3	08 trái cây, hạt	94,714	89,116	19.7%	-5.9%	1,832,113	1,868,787	2.0%
4	15 Dầu và mỡ từ động vật, thực vật	1,372	1,297	0.3%	-5.5%	142,026	132,967	-6.4%
5	19 chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột, sữa	2,668	2,682	0.6%	0.5%	842,412	1,132,451	34.4%
6	21 các loại chế phẩm ăn được	21,999	23,675	5.2%	7.6%	530,014	602,285	13.6%
7	23 Thức ăn gia súc	1,277	1,002	0.2%	-21.5%	241,315	254,129	5.3%
	35 các chất chứa albumin; các dạng tinh bột biến tính; keo hồ; enzym	6,816	1,587	0.4%	-76.7%	967,400	1,036,885	7.2%
9	38 Các sản phẩm hóa được	634	1,508	0.3%	137.9%	30,256	29,922	-1.1%
10	39 Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	1,417	1,467	0.3%	3.5%	191,019	183,907	-3.7%
11	41 da thuộc	3,898	4,753	1.1%	21.9%	112,257	112,104	-0.1%
12	44 gỗ và sản phẩm gỗ	34,151	19,830	4.4%	-41.9%	2,122,524	1,972,697	-7.1%
	47-48 giấy, các sản phẩm từ giấy và bìa các tông	761	7,067	1.6%	828.6%	585,907	444,001	-24.2%
14	72-73 sắt, thép	21,314	50	0.0%	-99.8%	349,923	314,826	-10.0%
15	76 Nhôm và các sản phẩm từ nhôm	3,682	1,486	0.3%	-59.6%	712,814	642,402	-9.9%
	84-85 Máy móc, thiết bị điện và phụ kiện liên quan	6,295	2,529	0.6%	-59.8%	1,088,893	1,172,563	7.7%
17	90 Dụng cụ và thiết bị y tế	140	243	0.1%	73.6%	363,581	360,605	-0.8%
18	Các sản phẩm khác	10,103	10,104	2.2%	0.0%	9,447,042	9,101,870	-3.7%

Nguồn: Cục Thống kê New Zealand

Xét về tỷ trọng, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu hàng đầu từ Niu Di-lân gồm: các sản phẩm bơ sữa (60%), trái cây, hạt (19,7%), gỗ và sản phẩm gỗ (4,4%), các chế phẩm ăn được (5,2%).

Xét theo tốc độ tăng trưởng, các mặt hàng nhập khẩu từ Niu Di-lân có tốc độ tăng trưởng cao gồm: giấy, các sản phẩm từ giấy và bìa các tông (1108%), các sản phẩm hóa được (138%); bơ sữa (13,5%). Mặt hàng từ giấy và bìa các tông đặc biệt tăng mạnh, Việt Nam đã nhập khẩu một lượng lớn hơn 7 triệu NZD tăng 828% so với cùng kỳ năm 2022. Bên cạnh đó, các mặt hàng giảm sút, thép (99,8%); các chất chứa albumin, các dạng tinh bột biến tính, keo hồ, enzym (76%); máy móc thiết bị điện và phụ kiện liên quan (60%); thức ăn gia súc (21%); nhôm (60%); gỗ (42%).

## MỘT SỐ TIN CHÍNH

### NĂNG SUẤT CỦA NEW ZEALAND KÉM NHẤT TRONG BÁO CÁO CỦA OECD

Theo một báo cáo mới, năng suất của New Zealand là một trong những nền kinh tế kém nhất trong số các nền kinh tế phát triển và cần cam kết và đầu tư dài hạn nghiêm túc để xoay chuyển tình thế.

Ủy ban Năng suất vừa công bố một nghiên cứu mới cho thấy sự tăng trưởng về năng suất trong những thập kỷ gần đây là nhờ ngày càng nhiều người New Zealand làm việc nhiều giờ hơn.

Chủ tịch Ủy ban Năng suất Ganesh Nana cho biết kỷ lục về năng suất của đất nước còn rất nhiều điều đáng mong đợi, và nó đang gây ra hậu quả không chỉ đối với sản lượng kinh tế mà còn cả phúc lợi cá nhân.

New Zealand xếp thứ 26 trong số 37 quốc gia OECD về chỉ tiêu cho nghiên cứu và phát triển. Theo báo cáo, New Zealand cần một chiến lược dài hạn và cam kết thay đổi thông qua đầu tư.

## **HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VỚI EU TIẾN MỘT BƯỚC QUAN TRỌNG HƯỚNG TỚI PHÊ CHUẨN**

Hiệp định Thương mại Tự do của New Zealand với Liên minh Châu Âu đã thực hiện một bước quan trọng để phê chuẩn. Hội đồng châu Âu đã bật đèn xanh cho thỏa thuận này, mở đường cho việc ký kết - có thể là trong chuyến thăm của Thủ tướng New Zealand tới châu Âu vào tháng 7 tới. Nhưng thỏa thuận sẽ không có hiệu lực cho đến khi Nghị viện Châu Âu phê duyệt và New Zealand đã thông qua luật cho phép nó.

Người phát ngôn của Bộ trưởng Thương mại Damien O'Connor cho biết chính phủ hoan nghênh sự chấp thuận của Hội đồng Châu Âu. Thỏa thuận thương mại tự do được chờ đợi từ lâu với khối thương mại lớn đã được bảo đảm vào tháng 7 năm ngoái sau bốn năm đàm phán khó khăn. Tuy nhiên, trưởng đoàn đàm phán của New Zealand Vangelis Vitalis trước đó đã cảnh báo rằng việc phê chuẩn thỏa thuận sẽ cần rất nhiều nỗ lực chính trị.

Nông dân châu Âu tiếp tục bày tỏ sự không hài lòng với thỏa thuận này và cho rằng nó sẽ cho phép nông dân New Zealand tiếp cận quá nhiều vào thị trường châu Âu.

Thịt đỏ và sữa sẽ nhận được doanh thu xuất khẩu hàng năm mới trị giá tới 120 triệu đô la vào ngày đầu tiên của thỏa thuận, với ước tính hơn 600 triệu đô la trong vòng bảy năm.

Trong cuộc họp của Ủy ban Thương mại Quốc tế của Nghị viện Châu Âu tại Brussels vào tối thứ Ba, chủ tịch ủy ban nông nghiệp Mazaly Aguilar đã đặt câu hỏi ai ở Châu Âu sẽ được hưởng lợi từ thỏa thuận này.

Hiệp định này sẽ dẫn tới 91% thuế quan đối với hàng xuất khẩu của New Zealand sang EU được loại bỏ ngay lập tức khi nó có hiệu lực. Cuối cùng, 97 phần trăm sẽ được miễn thuế.

## **CÁC NGÀNH CƠ BẢN DỰ BÁO TÍN HIỆU XUẤT KHẨU TƯƠI SÁNG TRONG TƯƠNG LAI**

Bộ trưởng Thương mại và Nông nghiệp Damien O'Connor cho biết các con số xuất khẩu của ngành công nghiệp cơ bản được dự báo báo hiệu một tương lai tươi sáng.

Xuất khẩu của ngành công nghiệp sơ cấp được dự báo sẽ đạt mức cao kỷ lục mới là 56,2 tỷ NZD trong năm tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023. Dự báo tháng 12/2022 dự kiến xuất khẩu 55 tỷ NZD, nhưng do xuất khẩu sữa, hải sản và thực phẩm chế biến tăng dẫn đến kết quả cao hơn 1,2 tỷ NZD so với dự kiến.



## NEW ZEALAND RƠI VÀO TÌNH TRẠNG SUY THOÁI

Số liệu thống kê của New Zealand cho thấy tổng sản phẩm quốc nội (GDP), thước đo tăng trưởng kinh tế rộng rãi, đã giảm 0,1% trong quý I.

Đây là Quý thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế âm, sau mức giảm 0,7% đã điều chỉnh của quý IV/2022. Điều đó đáp ứng định nghĩa kỹ thuật của một cuộc suy thoái.

Kết quả này phù hợp với kỳ vọng của các nhà kinh tế về mức giảm 0,1% trong một cuộc thăm dò của Reuters và trái ngược với dự báo tăng trưởng 0,3% của Ngân hàng Dự trữ.

Hầu hết các bộ phận của nền kinh tế đều chậm lại hoặc suy giảm, trong đó dịch vụ, xuất khẩu và nông nghiệp bù đắp cho sự gia tăng nhẹ trong lĩnh vực xây dựng.

Dịch vụ kinh doanh là động lực giảm lớn nhất, giảm 3,5%.

Nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,7%, công nghiệp chế tạo giảm 1,1%, giáo dục và đào tạo giảm 1,9%.

Lần cuối cùng nền kinh tế New Zealand bước vào suy thoái kỹ thuật là vào năm 2020 khi hoạt động kinh tế chậm lại do đợt phong tỏa đầu tiên do Covid-19 và đóng cửa biên giới.

Tuy nhiên, cuộc suy thoái đó chỉ tồn tại trong thời gian ngắn khi hoạt động phục hồi khi các hạn chế được nới lỏng.

Ngân hàng Dự trữ đã dự báo đất nước sẽ rơi vào suy thoái vào quý 2 năm 2023, trong khi Bộ Tài chính lạc quan hơn và kỳ vọng đất nước sẽ tránh được suy thoái.

RBNZ đã báo hiệu vào tháng trước rằng họ đã kết thúc chu kỳ thắt chặt, sau khi tăng tỷ lệ tiền mặt chính thức thêm 25 điểm cơ bản lên 5,5%.

## CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH

### TIÊU CHUẨN NHẬP KHẨU CÁC LOẠI HẠT KHÔ VÀ/HOẶC ĐÃ QUA CHẾ BIẾN

Các doanh nghiệp có thể nghiên cứu bản gốc tiêu chuẩn tại địa chỉ: <https://www.biosecurity.govt.nz/dmsdocument/1663-stored-plant-products-for-human-consumption-spp-human-ihs-import-health-standard>.

#### Phần 1: Yêu cầu

##### *Phạm vi áp dụng*

- IHS này chỉ áp dụng cho việc nhập khẩu các loại hạt khô và/hoặc đã qua chế biến (kể cả đông lạnh) làm thực phẩm cho con người.

##### *Kiểm tra an toàn sinh học*

- Ngay khi hàng hóa cập cảng Niu Di-lân, các chứng từ kèm theo lô hàng sẽ được kiểm tra tại cảng đến.

- Cán bộ kiểm dịch cũng có thể kiểm tra lô hàng hoặc mẫu hàng hóa.

- Hàng hóa không tuân thủ yêu cầu trong IHS có thể không được thông quan vào Niu Di-lân và có thể được yêu cầu xử lý thêm, trả lại nước xuất khẩu, tiêu hủy hoặc các biện pháp khác được Giám đốc Kỹ thuật coi là phù hợp.

- Việc vận chuyển hàng hóa cũng có thể bị đình chỉ nếu phát hiện một số loại sinh vật gây hại hoặc hạt giống cỏ thuộc diện phải kiểm soát.

- Nhà nhập khẩu phải chịu mọi chi phí liên quan.

## **Phần 2: Các yêu cầu trước khi vận chuyển hàng hóa**

### *Giấy tờ cần thiết*

- Các loại giấy tờ nên được viết bằng tiếng Anh. Đối với các giấy tờ bằng ngôn ngữ khác, nếu cán bộ kiểm dịch không thể xác định liệu hàng hóa có đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu vào Niu Di-lân hay không, MPI bảo lưu quyền yêu cầu nhà nhập khẩu bổ sung bản dịch do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Giấy phép nhập khẩu: Không bắt buộc, trừ hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Phần 3.8 của IHS này.
- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật: Nhà nhập khẩu phải trình giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (bản gốc) theo quy định tại Phần 4 và 5 của IHS này do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu (trường hợp này là Cục Bảo vệ thực vật) cấp.
- Giấy tờ khác: ngoài giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, hàng hóa phải kèm theo các giấy tờ khác như vận đơn, hóa đơn hàng không, ngoài các quy định tại Phần 3.2.
- Giấy chứng nhận của nhà sản xuất phải được in trên tiêu đề thư có tên công ty (letterhead), được ký bởi người đại diện có thẩm quyền và có các nội dung như: i) chữ ký, chức danh, ngày ký; ii) tên và địa chỉ nhà cung cấp (nếu khác với nhà sản xuất); iii) mô tả sản phẩm hoặc thương hiệu; iv) thông tin về quy trình chế biến; v) ngày sản xuất.

### *Kiểm tra lô hàng trước khi vận chuyển*

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải kiểm tra xem hàng hóa có sinh vật gây hại thuộc diện kiểm soát hay không.
- Nếu có sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang Niu Di-lân hoặc phải được xử lý loại bỏ sinh vật gây hại trước khi xuất khẩu.
- Cục Bảo vệ thực vật chỉ được cấp giấy chứng nhận SPS sau khi xác nhận biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả.

### *Xét nghiệm lô hàng trước khi vận chuyển*

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo rằng biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả. Hàng hóa phải được xét nghiệm nhằm phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng tại một phòng thí nghiệm được Hiệp hội xét nghiệm hạt giống quốc tế công nhận.
- Nếu phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang Niu Di-lân hoặc phải được xử lý loại bỏ hạt giống trước khi xuất khẩu.

### *Các yêu cầu về xử lý hàng hóa trước khi vận chuyển*

- Nói chung, việc xét nghiệm để phát hiện sinh vật gây hại đối với các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của IHS này là không bắt buộc. Trường hợp được yêu cầu, hàng hóa cần có giấy chứng nhận SPS với các khai báo bổ sung phù hợp nếu việc xử lý sinh vật gây hại được thực hiện trước khi xuất khẩu.

### *Đóng gói và dán nhãn hàng hóa*



- Bao bì đóng gói phải sạch sẽ, không dính đất và các chất ô nhiễm khác.
- Nhãn hàng hóa nên bằng tiếng Anh và không bị rách để cán bộ kiểm dịch dễ dàng nhận diện.

#### *Yêu cầu về quá cảnh*

- Tất cả hàng hóa phải được đóng gói và vận chuyển phù hợp để phòng việc phá hoại và/hoặc bị nhiễm sinh vật gây hại sau khi sản xuất/xử lý.
- Không được mở bao bì trên đường quá cảnh
- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, trong quá trình quá cảnh và nằm dưới sự kiểm soát trực tiếp của Cục Bảo vệ thực vật nước quá cảnh, nếu được lưu kho, chia tách hoặc thay đổi bao bì tại nước quá cảnh trên đường đến Niu Di-lân, hàng hóa phải được cấp thêm “giấy chứng nhận tái xuất khẩu” ngoài giấy chứng nhận SPS ban đầu.
- Không cần giấy chứng nhận tái xuất khẩu trong trường hợp hàng hóa bị giữ lại để thay đổi phương tiện vận chuyển và vẫn nằm trong công-ten-nơ band đầu.

### **Phần 3: Các yêu cầu khi cập cảng**

- Các hàng hóa thuộc diện rủi ro phải được cán bộ kiểm dịch thực hiện thông quan, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy. Nhà nhập khẩu có trách nhiệm khai báo hàng hóa thuộc diện rủi ro tới cán bộ kiểm dịch.
- Hàng hóa chưa được thông quan phải nằm dưới sự kiểm soát của MPI và không được di chuyển hoặc tác động nếu không được cho phép.
- Các chi phí lấy mẫu, kiểm tra, xử lý, vận chuyển, kiểm dịch, trả lại nước xuất khẩu... do nhà nhập khẩu chịu.

#### *Kiểm tra khi cập cảng*

- Đối với hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra theo quy định tại Phần 4 và 5, các lô hàng sẽ được kiểm tra và/hoặc xét nghiệm ngẫu nhiên để đảm bảo lô hàng đảm bảo điều kiện thông quan.
- Hàng hóa không thuộc diện kiểm tra thông thường sẽ không bị kiểm tra nếu đáp ứng các yêu cầu trong phần 1.3.

#### *Kiểm tra*

- Cán bộ kiểm dịch sẽ kiểm tra hàng hóa để phát hiện sinh vật gây hại, đất hoặc các chất lẫn dễ thấy khác.

#### *Lấy mẫu*

- Nếu hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra, mỗi lô trong cả chuyến hàng đều phải lấy mẫu. Một mẫu tối thiểu là 5kg/chuyến hàng. Nếu cả chuyến hàng ít hơn 5kg thì tất cả hàng hóa đều phải kiểm tra.

#### *Phát hiện sinh vật gây hại và các chất lẫn*

- Trường hợp phát hiện sinh vật sống, nhà nhập khẩu có thể được quyền xác định xem sinh vật đó có phải sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát không. Nếu có, hàng hóa phải được

xử lý, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy theo yêu cầu của MPI. Hàng hóa có thể được cho thông quan nếu sinh vật gây hại được phát hiện không thuộc diện phải kiểm soát.

*Mức độ chấp nhận được đối với các hạt giống lẫn*

- Đối với hàng hóa được xử lý nhiệt hoặc chế biến ở các trạm trung chuyển tại Niu Di-lân, các loại hạt lẫn phải được nêu trong giấy chứng nhận phân tích hạt. Hàng hóa thuộc diện này không phải xử lý thêm vì quy trình xử lý hoặc chế biến tại các trạm trung chuyển sẽ làm các loại hạt này mất khả năng sinh trưởng.

- Đối với các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng, dung sai đối với hạt lẫn tối đa là 0,1% trọng lượng. Giống và số lượng hạt lẫn phải được mô tả trong giấy chứng nhận phân tích hạt hoặc được cán bộ kiểm dịch của MPI xác định thông qua kiểm tra mẫu khi cập cảng.

- Các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng không được phép có các hạt lẫn thuộc các giống liệt kê trong danh mục Hạt giống cỏ thuộc diện kiểm soát (Phần 1.5.2) trong IHS: Importation of Grains/Seeds for consumption, feed or processing hoặc thuộc các giống “Cấm nhập khẩu) hoặc liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI).

- Khi lô hàng có mức độ hạt lẫn cao hơn dung sai cho phép, MPI sẽ cho nhà nhập khẩu một số lựa chọn như: loại bỏ các hạt lẫn, xử lý để hạt giống không thể sinh trưởng, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy hàng hóa.

**Phần 4: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm không sản xuất thương mại.** Đề nghị tham khảo chi tiết tại IHS gốc.

**Phần 5: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm được sản xuất thương mại**

*Thực phẩm đóng hộp đã nấu hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra hàng hóa

- Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật có chứa sản phẩm động vật phải đáp ứng cả các yêu cầu nhập khẩu đối với các sản phẩm động vật đó (ví dụ thịt, trứng, sữa).

*Thực phẩm đã nấu, quay, chần, nướng hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại đã được nấu (quay, hầm, chần hoặc nướng) hoặc các loại trái cây và rau được bảo quản/ngâm giấm, được bảo quản trong dung dịch nước muối, a-xít, rượu, dầu hoặc xi rô.

- Hàng hóa nên có giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

*Ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy*

- Các loại ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy có yêu cầu riêng đối với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

*Các loại thảo mộc, gia vị, rễ, củ sấy khô và đồ uống*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các hàng hóa được sản xuất thương mại và là: i) gia vị nghiền; ii) thảo mộc nghiền, đã vò nát hoặc thái nhỏ.

- Các loại thảo mộc, gia vị khô không nghiền, đồ uống có các yêu cầu riêng với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

#### *Trái cây và rau củ tươi*

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

#### *Trái cây và rau củ tươi bóc vỏ, thái, cắt khúc*

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

#### *Hàng hóa tươi đã chế biến*

- Chỉ dành riêng cho một số thương hiệu được MPI phê duyệt theo công bố trên website của MPI.

#### *Trái cây và rau củ sấy*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các loại trái cây và rau củ sấy khô, sấy lạnh được sản xuất thương mại và được liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI) như đề cập ở trên, trừ các loại có hạt thuộc diện hạt cấm nhập khẩu.

#### *Trái cây và rau củ ngâm giấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

#### *Trái cây và rau củ bọc đường, ngâm đường, ướp muối, ngâm muối hoặc xi rô*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

#### *Trái cây và rau củ dạng nước ép, nghiền, chất lỏng*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

#### *Trái cây và rau củ đã nấu*

- Xem quy định tại phần 5.2 thực phẩm đã nấu

#### *Trái cây và rau củ đông lạnh*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại, trừ các loại sau:

- + Rong biển ăn được đông lạnh;
- + Lá của các loại cam quýt đông lạnh;
- + Nấm ăn được đông lạnh;
- + Các loài không nằm trong danh mục PBI hoặc bị cấm nhập khẩu; nếu lẫn các loại hạt hoặc vật chất có thể lây lan khác.
- Hoa ly bóc vỏ, đông lạnh có thể được nhập khẩu.

- Trường hợp cán bộ kiểm dịch tin rằng hàng hóa được sản xuất thương mại nhưng không dán nhãn, hàng hóa đó vẫn được cấp chứng nhận thông quan an toàn sinh học nếu quy trình đông lạnh có thể được kiểm chứng phù hợp các điều kiện sau:

- Đối với vật chủ của loài ruồi không ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ tâm sản phẩm đạt  $-10^{\circ}\text{C}$  hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.

- Đối với vật chủ của loài ruồi ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ tâm sản phẩm đạt  $-18^{\circ}\text{C}$  hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.

#### *Rong biển đông lạnh*

- Rong biển đông lạnh có thể không được phép nhập khẩu trừ khi được chế biến bổ sung để đảm bảo rong biển không sinh trưởng được theo một trong các cách sau:

+ Luộc ở  $90^{\circ}\text{C}$  trong ít nhất 30 phút sau đó đông lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;

+ Chần ở  $90^{\circ}\text{C}$  trong ít nhất 1 phút sau đó ngâm trong giấm và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;

+ Cầm nóng đến  $75^{\circ}\text{C}$  trong 15 phút sau đó ướp với nước sốt gia vị và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;

+ Nướng các lát mỏng (tối đa 0,05mm) ở  $300^{\circ}\text{C}$  trên đĩa nướng, sấy khô, nêm gia vị, cắt và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ .

- Tất cả các hàng hóa phải đi kèm với giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

#### *Nấm sấy*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với nấm sấy sản xuất thương mại nếu được nhập khẩu kèm theo vận đơn hoặc vận đơn hàng không, trừ các loại sau:

+ Lô hàng nấm cục phải dán nhãn là nấm cục và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;

+ Lô hàng nấm linh chi nguyên chất phải được dán nhãn là nấm linh chi và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;

+ Lô hàng nấm gỗ phải được xử lý nhiệt theo mục 3.7.

- Tất cả các lô hàng nấm sấy khác phải được kiểm tra sinh vật gây hại và các chất lẫn.

#### *Ghi chú:*

- Nấm cục có thể sinh trưởng bị cấm nhập khẩu.

- Tất cả các lô hàng nấm cục không phải loại nấu súp đều phải dán nhãn.

- Các lô hàng dán nhãn nấm cục sẽ phải xét nghiệm để phát hiện các vật chất có khả năng sinh trưởng.

- Hàng hóa nghi là nấm cục hoặc nấm sấy không khô hoàn toàn sẽ bị tạm giữ và nhà nhập khẩu phải thực hiện xét nghiệm phát hiện vật chất có thể sinh trưởng, xử lý nhiệt hoặc trả lại nước xuất khẩu.

#### *Nấm đông lạnh*

- Các loại nấm ăn được (đông lạnh) sau đây có thể được nhập khẩu: *Agaricus bisporus*, *Boletus edulis*, *Cantharellus cibarius*, *Craterellus cornucopioides*, *Lentinula edodes*, *Marasmius oreades*, *Morchella conica* và *Morchella esculentus*.

- Các loại nấm này phải được đông lạnh thương mại và phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật với tuyên bố bổ sung như sau:

- “Loại nấm [tên khoa học] trong lô hàng này đã được làm đông lạnh thương mại và giữ ở nhiệt độ tối thiểu -18°C trong 7 ngày trước khi giao hàng” kèm theo giấy chứng nhận của nhà sản xuất có chữ ký của người có thẩm quyền trong công ty, nêu rõ tên và địa chỉ của nhà sản xuất, thông tin chính xác về quá trình chế biến và ngày chế biến.

#### *Các loại đậu (đỗ)*

- Danh sách chi tiết các loại đậu và yêu cầu với từng loại được nêu tại mục 5.7 của IHS gốc.

#### *Các loại hạt*

- Danh sách chi tiết các loại hạt và yêu cầu với từng loại được nêu tại mục 5.8 của IHS gốc.

#### *Dầu thực vật và dầu thực vật thể rắn đã chế biến*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với sản phẩm được chế biến và đóng gói thương mại, trừ trường hợp Stearin dầu cọ hydro hóa phải kiểm tra.

#### *Chiết xuất thực vật, tảo và nấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với chiết xuất thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại dưới dạng viên nang, viên nén, bột, hồ, chất lỏng và xi rô có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng (shelf-stable) và không lẫn sinh vật có khả năng sinh trưởng.

#### *Phấn hoa*

- Phấn hoa thông không được phép nhập khẩu

- Phấn do ong thu thập được quy định tại IHS: Sản phẩm từ ong

- Phấn không do ong thu thập phải được sản xuất thương mại thành viên nang hoặc viên nén.

### **THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NIU DI-LÂN**

Điện thoại/Fax: + 64 4 8033 775

Email: nz@moit.gov.vn

Địa chỉ: Level 2, 90- 92 Dixon Street, Te Aro, Wellington

Hòm thư: PO Box 11095, Manners Street, Wellington 6142